

Nội dung

- 1. Khái niệm và thuộc tính của pháp luật
- 2. Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật
- 3. Quan hệ pháp luật
- 4. Thực hiện pháp luật
- 5. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý



1. Khái niệm và thuộc tính của pháp luật

- 1.1. Khái niệm pháp luật
- 1.2. Những thuộc tính của pháp luật



Khái niệm pháp luật

Pháp luật là tổng hợp các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung, do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo ý chí của nhà nước.



Con đường hình thành pháp luật



Ban hành các Văn Bản QPPL

Thừa nhận các Tập quán hay các án lệ của Tòa án

PHÁP LUẬT

1.2 Các thuộc tính cơ bản của pháp luật

- 1.2.1 Tính quy phạm phổ biến
- 1.2.2 Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức
- 1.2.3 Tính được bảo đảm thực hiện bằng nhà nước



Các thuộc tính của pháp luật

Các thuộc tính của pháp luật là những dấu hiệu riêng để phân biệt pháp luật với những quy phạm xã hội khác.



1.2.1 Tính quy phạm phổ biến (tính bắt buộc chung)

- Tính quy phạm
- Tính phổ biến



1.2.2 Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

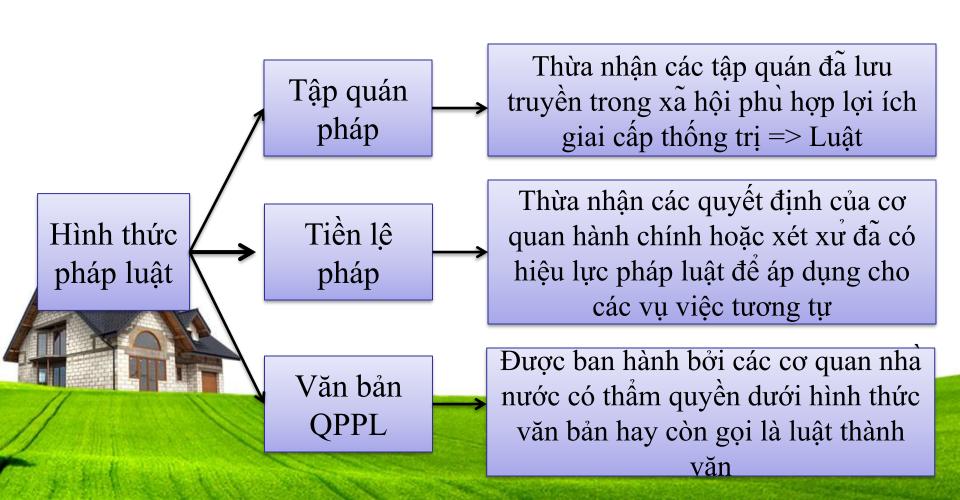
Hình thức, thủ tục thực hiện PL Hình thức thể hiện: Tập quán pháp, tiền lệ pháp, Văn bản QPPL

> xác định chặt chế về hình thức

Ngôn ngữ pháp lý

Quy trình, thủ tục, thẩm quyền ban hành

Các hình thức pháp luật cơ bản



1.2.3 Tính được bảo đảm bằng nhà nước (tính cưỡng chế)

Nhà nước ban hành, tổ chức thực hiện pháp luật bằng các biện pháp kinh tế, tư tưởng, biện pháp tổ chức và đặc biệt là biện pháp cưỡng chế.



2. Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật

- 2.1. Quy phạm pháp luật
- 2.2. Văn bản quy phạm pháp luật



2.1. Quy phạm pháp luật

Khái niệm Quy phạm pháp luật

QPPL là những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung, do nhà nước ban hành và thừa nhận nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội và được nhà nước đảm bảo thực hiện



Đặc điểm của Quy phạm pháp luật

- Là những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung
- Được thể hiện dưới hình thức xác định
- Thể hiện ý chí của nhà nước, do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc thừa nhận
 - Được nhà nước bảo đảm thực hiện



Cơ cấu của quy phạm pháp luật

- Giả định
- Quy định
- Chế tài



Văn bản quy phạm pháp luật

Khái niệm VBQPPL

Căn cứ Điều 2 Luật BHVBQPPL 2015 quy định: Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong luật.



Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

Điều 4 Luật BHVBQPPL 2015 quy định hệ thống bao gồm 15 loại VBQPPL



Hiệu lực của VBQPPL

- Thời điểm có hiệu lực
- Hiệu lực trở về trước VBQPPL
- Hết hiệu lực của VBQPPL



Thời điểm có hiệu lực



Hiệu lực VBQPPL

• Lưu ý: Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, đồng thời phải được đăng ngay trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành và phải được đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc Công báo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành.

Hiệu lực trở về trước VBQPPL

- Chỉ có hiệu lực về trước đối với VBQPPL cấp trung ương
- Chỉ trong trường hợp thật cần thiết để bảo đảm lợi ích chung của xã hội, thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương mới được quy định hiệu lực trở về trước.



Không được quy định hiệu lực trở về trước đối với các trường hợp sau đây:

- a) Quy định trách nhiệm pháp lý mới đối với hành vi mà vào thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật không quy định trách nhiệm pháp lý;
- b) Quy định trách nhiệm pháp lý nặng hơn.





3.1 Khái niệm quan hệ pháp luật

Quan hệ pháp luật là những quan hệ xã hội được các quy phạm pháp luật điều chỉnh

Nghĩa là những quan hệ phát sinh trong xã hội được điều chỉnh bởi pháp luật



Sự hình thành quan hệ pháp luật

Quan hệ xã hội

Có QPPL điều chỉnh

Quan hệ pháp luật



Đây có phải quan hệ pháp luật?



3.2 cấu thành của quan hệ pháp luật

- 3.2.1 Chủ thể của quan hệ pháp luật
- 3.2.2 Nội dung của quan hệ pháp luật
- 3.2.3 Khách thể của quan hệ pháp luật



3.2.1 Chủ thể của quan hệ pháp luật

Chủ thể quan hệ pháp luật là những cá nhân, tổ chức đáp ứng được những điều kiện mà pháp luật quy định cho mỗi loại quan hệ pháp luật và tham gia vào quan hệ pháp luật đó.



Năng lực chủ thể

- Năng lực pháp luật
- Năng lực hành vi



Năng lực pháp luật của chủ thể

Năng lực pháp luật là khả năng của chủ thể được hưởng quyền và nghĩa vụ pháp lý theo duy định của pháp luật



Năng lực pháp luật của cá nhân, tổ chức



Năng lực hành vi của chủ thế

Là khả năng của chủ thể được nhà nước xác nhận trong quy phạm pháp luật cụ thể. Với khả năng đó, chủ thể bằng chính hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý độc lập chịu trách nghiệm pháp lý khi tham gia vào quan hệ pháp luật cụ thể.



Khi nào được coi là mất, hạn chế năng lực hành vi?



3.2 Nội dung của quan hệ pháp luật

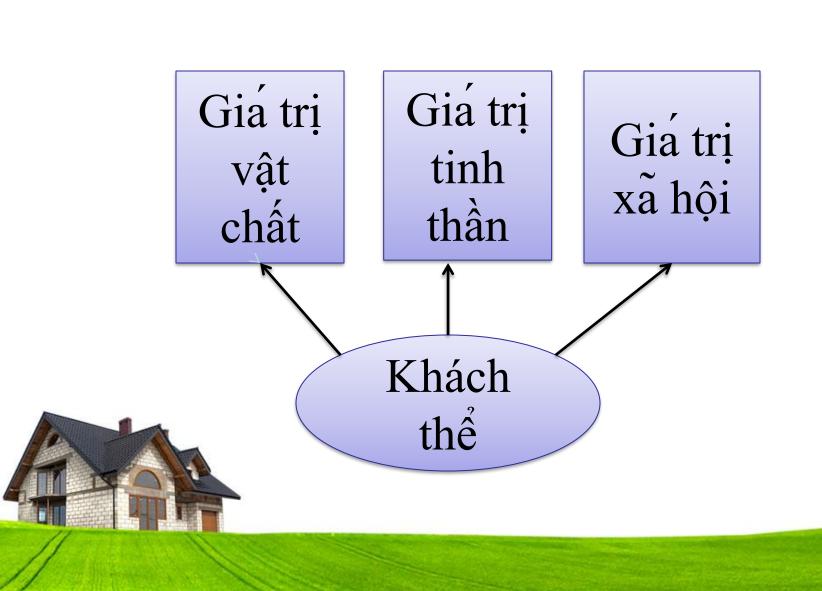
Là quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia vào quan hệ pháp luật do các bên thỏa thuận hoặc do pháp luật quy định



3.3 Khách thể của quan hệ pháp luật

Khách thể là cái mà các chủ thể mong muốn đạt được, hướng tới, tác động tới khi tham gia quan hệ pháp luật





Căn cử làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật

Căn cứ làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật là sự kiện pháp lý



Sự kiện pháp lý là những điều kiện, hoàn cảnh, tính huống được dự kiến trong QPPL gắn với việc phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật cụ thể khi chúng diễn ra trong thực tế đời sống



Căn cứ hậu quả pháp lý của sự kiện pháp lý chia thành 2 loại

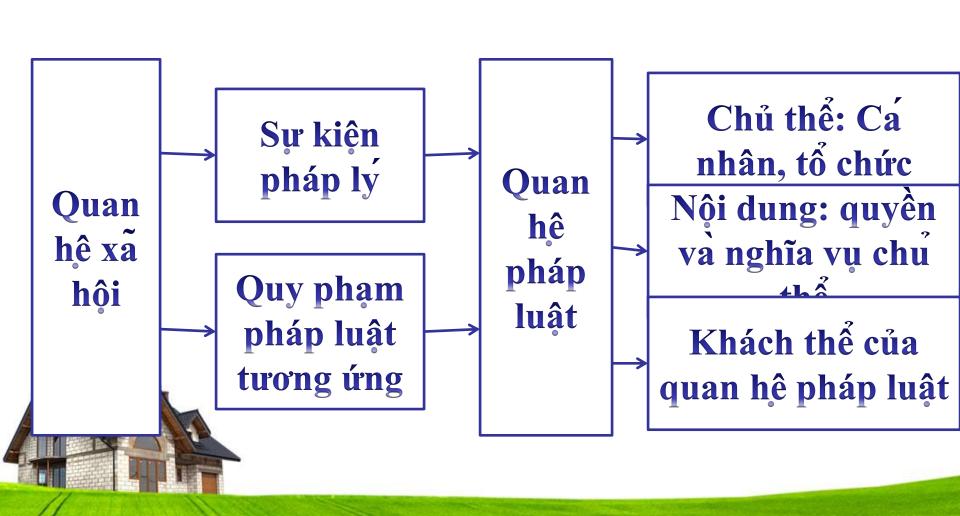
- Sự kiện pháp lý đơn giản
- Sự kiện pháp lý phức tạp



Căn cứ vào ý chí chủ thể:

- Sự biến pháp lý
- Hành vi pháp lý





Thực hiện pháp luật (tự nghiên cứu tài liệu)



Bài tập

- 1. Nhận định đúng, sai?vì sao?
- Mọi chu thể có năng lực pháp luật và năng lực hành vi đều là chu thể của quan hệ pháp luật
- Nhà nước có thể là một bên chu thể trong quan hệ pháp luật.
- Quan hệ pháp luật là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân trong xã hội được pháp luật quy định
- Năng lực pháp luật của chủ thể QHPL có từ khi chu thể sinh ra và chấm dứt khi chủ thể mất đi

5. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý

- 5.1 Vi phạm pháp luật
- 5. 2 Trách nhiệm pháp lý



Đây là hành vi vi phạm pháp







Khái niệm vi phạm pháp luật

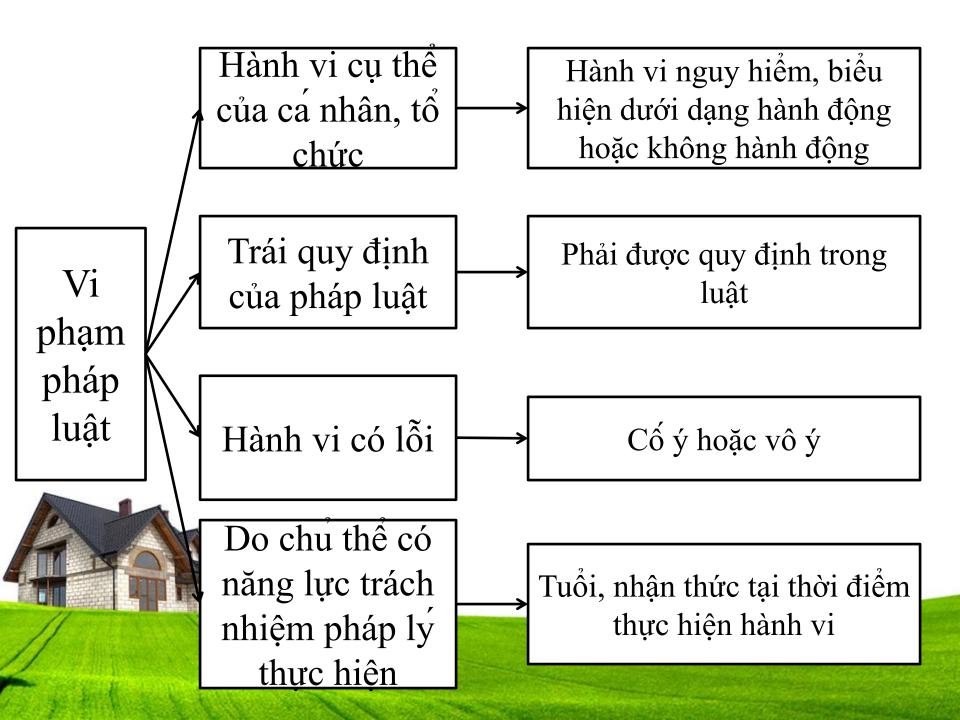
Vi phạm pháp luật là hành vi nguy hại cho xã hội, trái pháp luật,có lỗi, do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến các quan hệ xã hội được nhà nước xác lập và bảo vệ



Các dấu hiệu cơ bản của vi phạm pháp luật

Hành vi vi phạm pháp luật phải có đầy đủ 4 yếu tố sau





Xác định những hành vi sau có phải là hành vi vi phạm pháp luật không

- H, 45 tuổi bị bệnh tâm thần mất khả năng nhận thức có sở thích ăn khoai nướng. Trưa ngày 16/11/2014 H đã đốt nhà hàng xóm để nướng khoai ăn. Hậu quả làm cháy hoàn toàn căn nhà và chết 1 người.
- Anh A quyết định chia tay với B, vì quá đau buồn nên B đã tự tử chết
- Cướp tài sản và bị công an bắt

- A có ý định trộm cắp tài sản nhưng sau khi suy nghĩ A quyết định không thực hiện hành vi trộm cắp nữa
- Khi nhìn thấy mẹ bị B đánh đập, vì bảo vệ mẹ nên A đã xông vào can ngăn B, nhưng B vẫn hung hăng xông vào tấn công A nên A đã xô B ngã để bảo vệ mẹ và mình, B ngã chấn hương sọ não sau đó tử vong

Cấu thành vi phạm pháp luật

Cấu thành vi phạm pháp luật là tổng thể các dấu hiệu cơ bản, đặc thù cho một loại vi phạm pháp luật cụ thể, được nhà nước quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật, do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành



CÁU THÀNH VPPL

- Mặt khách quan VPPL
- Mặt chủ quan VPPL
- Chủ thể VPPL
- Khách thể VPPL

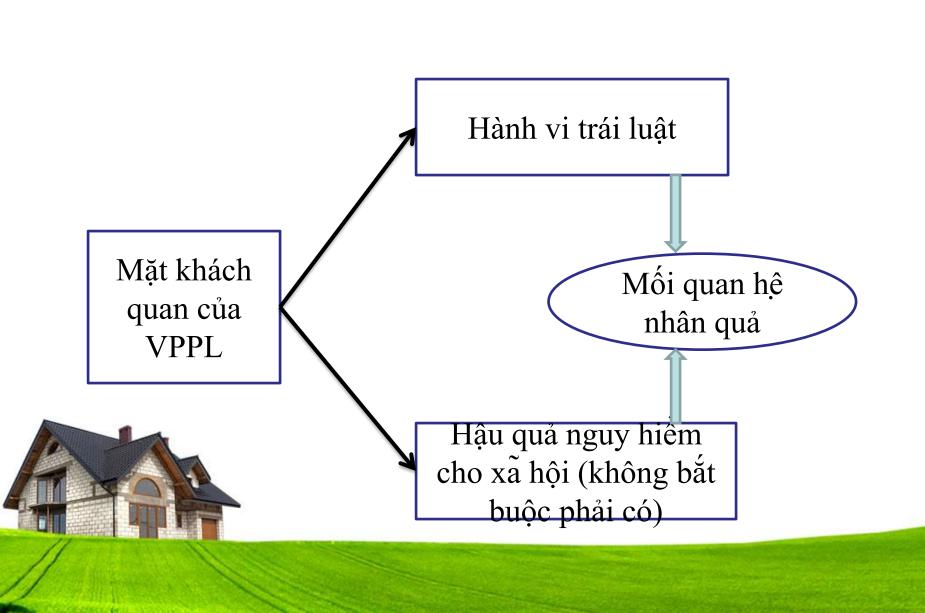




Mặt khách quan của VPPL

Mặt khách quan là phương diện (mặt) thế hiện ra bên ngoài của VPPL, bao gồm những biểu hiện của VPPL diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan.





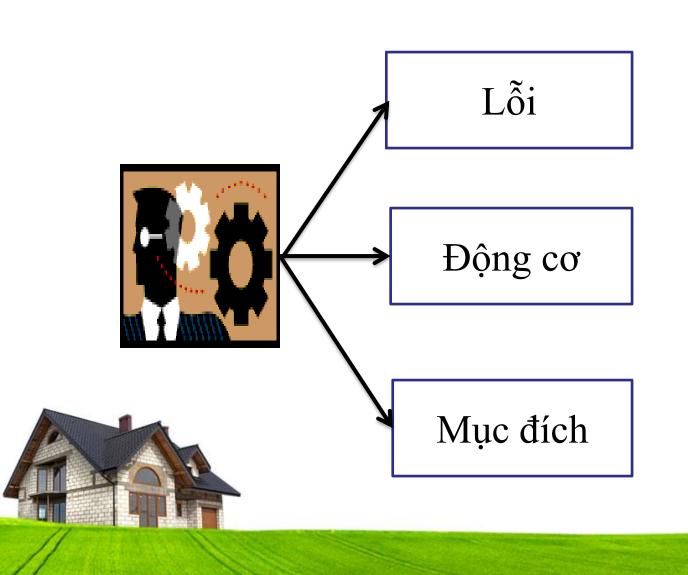
- Hành vi vi trái luật là nguyên nhân trực tiếp gây ra hậu quả, hành vi diễn ra trước hậu quả và hành vi trái luật chứa đựng khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả nguy hiểm cho xã hội.



Mặt chủ quan của VPPL

Mặt chủ quan của VPPL là hoạt động tâm lý bên trong của chủ thể VPPL





Lỗi

Lỗi là trạng thái tâm lý và mức độ nhận thức của chủ thể VPPL đối với hành vi và hậu quả của hành vi vi phạm

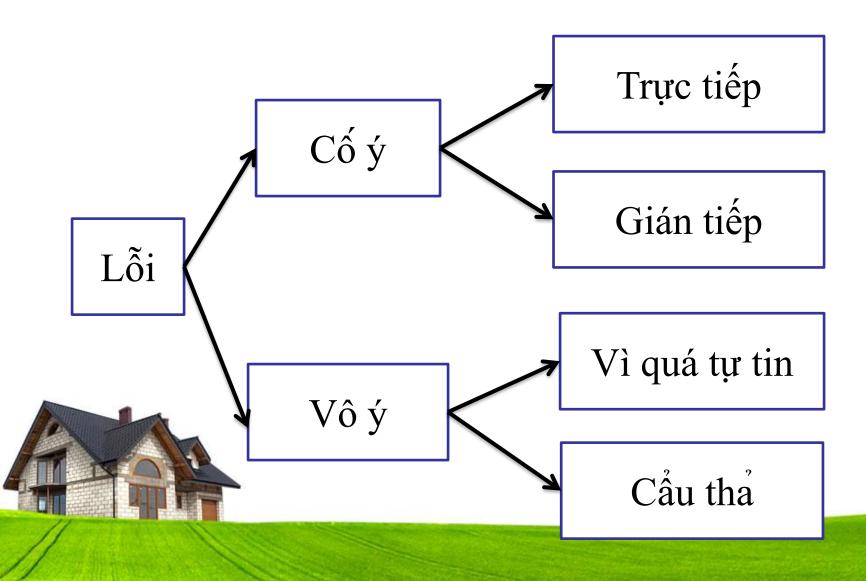


Lỗi

Đối với những lĩnh vực pháp luật hình sự và hành chính thì lỗi là dấu hiệu không thể thiếu của cấu thành VPPL hình sự, vi phạm hành chính. Trong lĩnh vực kinh tế, dân sự, có trường hợp không quy định lỗi trong vi phạm hợp đồng, trong những trường hợp này áp dụng nguyên tắc suy đoán lỗi.



Các loại lỗi



Lỗi cố ý

- + Cố ý trực tiếp: chủ thể VPPL nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả đó xảy ra.
- + Cố ý gián tiếp: chủ thể VPPL nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó, tuy không mong muốn nhưng có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra hậu quả đó xảy ra.



Lỗi vô ý

- + Vô ý vì quá tự tin: Chủ thể VPPL thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội nhưng cho rằng hậu quả đó không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được nên đã thực hiện hành vi trái luật và gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội.
- + Vô ý do cẩu thả: Chủ thể VPPL đã gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội nhưng do cẩu thả nên không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả đó, mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước hậu quả ấy.

Bảng sọ sánh các loại lỗi

	Cố ý, trực tiếp	Cố ý gián tiếp	Vô ý vì	Vô ý dọ cầu tha
			_	_
Lý trí	hành vi của mình nguy hiểm	Nhận thức hành vi của mình nguy hiểm Biết hậu quả có thể xảy ra	hành vị mình có thể	hành vi của
Ých	Mong muốn hậu quả xảy	Không mong muốn nhưng bo mặc hậu quả xảy ra	Cho rằng hậu quả không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được	Không biết hậu quả xảy ra nhưng cố nghĩa vụ phả biết

Những trường hợp không có lỗi

- Phòng vệ chính đáng
- Tình thế cấp thiết
- · Lỗi hoàn toàn do người thứ ba



Động cơ

Động cơ VPPL là động lực bên trong thúc đẩy chủ thể thực hiện hành vi VPPL



Động cơ

- Chỉ có ở hành vi VPPL với lỗi cố ý
- Là tình tiết để xem xét mức độ trách nhiệm pháp lý không phải là dấu hiệu bắt buộc của VPPL



Mục đích

Mục đích VPPL là kết quả trong ý thức chủ thể VPPL đặt ra phải đạt được khi thực hiện hành vi VPPL



Mục đích

- Chỉ có ở hành vi VPPL với lỗi cố ý trực tiếp
- Có thể trở thành dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành VPPL



Chủ thể VPPL

Chủ thể VPPL là cá nhân hoặc tổ chức có năng lực trách nhiệm pháp lý đã thực hiện hành vi trái luật, có lỗi, pháp luật quy định phải chịu trách nhiệm pháp lý



Cá nhân là chủ thể VPPL phải là người không mắc bệnh tâm thần hoặc mắc các bệnh khác là mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi và đủ độ tuổi do pháp luật quy định.

Mỗi ngành luật có cơ cấu chủ thể riêng Ví dụ: Chủ thể Luật hình sự từ 14 tuổi

Tổ chức là chủ thể VPPL, bao gồm: các cơ quan nhà nước; đơn vị cũ trang nhân dân; các tổ chức xã hội; pháp nhân,... và các tổ chức nước ngoài theo quy định pháp luật Việt Nam trừ trường hợp pháp luật các quy định khác hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác. Lỗi của tổ chức VPPL được xác định thông qua lỗi của các thành viên trong tổ chức đó. Họ là người trực tiếp gây ra vi phạm pháp luật khi thực hiện nhiệm vụ và công vụ được giao. Tổ chức là chủ thể VPPL, sau khi chấp hành xong quyết định áp dụng pháp luật phải xác định trách nhiệm pháp lý cá nhân gây ra VPPL theo quy định của pháp luât.

Khách thể của VPPL

Khách thể của VPPL là những quan hệ xã hội được nhà nước xác lập và bảo vệ bị chủ thể VPPL xâm hại hay đe dọa xâm hại



Khách thể là yếu tố quan trọng quy định tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của VPPL



Các loại vi phạm pháp luật

- Vi phạm hình sự
- Vi phạm dân sự
- Vi phạm hành chính
- Vi phạm kỷ luật



Bài tập

Xác định các yếu tố cấu thành VPPL trong tình huống sau:

A là một tên nghiện cờ bạc, sau khi đánh bạc thua một khoản tiền lớn mà không có bất cứ thu nhập nào để trả. Sợ bị xã hội đen thanh toán nếu không có tiền trả nên tối ngày 01/10/2013, A đã đột nhập vào nhà B để trộm xe máy hiệu Vision trị giá 20 triệu đồng, trong lúc dẫn xe ra khỏi nhà A đã bị chủ nhà phát hiện và bắt đem đến công an.

5.2. Trách nhiệm pháp lý



Khái niệm

Trách nhiệm pháp lý là việc nhà nước bằng ý chí đơn phương của mình buộc chủ thể VPPL phải gánh chịu những hậu quả bất lợi, những biện pháp cưỡng chế quy định ở bổ phận chế tài của QPPL do ngành luật tương ứng xác định



Mục đích của việc truy cứu trách nhiệm pháp lý

- Mục đích trừng phạt, phòng ngừa, cải tạo giáo dục chủ thể VPPL.
- Múc đích răn đe các chủ thế khác
- Bảo đảm tính pháp chế, trất tự an toàn xã hội



Mối quan hệ giữa VPPL và Trách nhiệm pháp lý

Nhân => Quả



Không truy cứu trách nhiệm pháp lý những trường hợp sau

 Quá thời hiệu truy cứu trách nhiệm pháp lý. Lưu ý rằng thời hiệu này tính từ thời điểm thực hiện hành vi vi phạm, ngoại trừ các trường hợp vi phạm liên tục, nhiều lần hoặc trốn tránh thì không áp dụng thời hiệu;



Không truy cứu trách nhiệm pháp lý những trường hợp sau

- Các trường hợp miễn trừ ngoại giao đối với các đối tượng và hành vi được miễn trừ.
- Hành vi vi phạm pháp luật đã chuyển hoá.

Ví dụ: Tuy là hành vi vi phạm pháp luật hành chính nhưng do tái phạm nên đã chuyển hoá thành tội phạm hình sự.



Các loại trách nhiệm pháp lý

- Trách nhiệm hình sự
- Trách nhiệm dân sự
- Trách nhiệm hành chính
- Trách nhiệm kỷ luật



Câu hỏi

- Hành vi trái luật là hành vi vi phạm pháp luật
- Vi phạm pháp luật có thể là một suy nghĩ trái với đạo đức xã hội, bị pháp luật cấm
- Hành vi trái luật là hành vi được biểu hiện dưới dạng hành động
- Chỉ có hành vi vi phạm PL với lỗi cố ý mới phải chịu trách nhiệm pháp lý
- Mặt chủ quan của VPPL là những biểu hiện ra bên ngoài của VPPL

Câu hỏi

- Hậu quả của hành vi là yếu tố bắt buộc trong cấu thành VPPL
- Mặt chủ quan của VPPL gồm: hành vi trái luật và hậu quả của hành vi trái luật
- Mặt chủ quan VPPL bao gồm: động cơ và mục đích



Bài tập

Hành vi sau đây có phải là hành vi vi phạm pháp luật không? hãy chứng minh

Vì bị A từ chối tình cảm nên B rất giận và có ý định trả thù. B theo dõi A hằng ngày đi làm lúc 6h30 và đi qua đoạn đường rất vắng. Vì vậy, B mang theo axit đậm đặc để phục kích A tại đoạn vắng, khi thấy A chạy xe đến, B chặn xe A lại và tạt thắng axit vào mặt A. Hậu quả làm A bị bỏng nặng, mù cả hai mắt, v lê thương tật vĩnh viễn 80%. Sau khi thực hiện xong hàm vi trên B đã bị công an bắt giữ.

Đây có phải là hành vi VPPL không?





